

Số: 49/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục**  
**Trường Đại học Hà Nội**

**HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

*Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;*

*Căn cứ Quyết định số 400/QĐ-KĐCL ngày 28/4/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXII của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;*

*Căn cứ Quyết định số 401/QĐ-KĐCL ngày 28/4/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục để thẩm định kết quả đánh giá chất lượng cho các cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo tại Phiên họp thứ XXII;*

*Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Hà Nội, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;*

*Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại Phiên họp XXII ngày 17/5/2023 của Hội đồng,*

**QUYẾT NGHỊ:**

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Hà Nội của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Hà Nội theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường và đã được Nhà trường đồng thuận. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Hà Nội cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng, Kết quả hoạt động đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (chi tiết trong Phụ lục I).

2. Kiến nghị Trường Đại học Hà Nội cần thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Hà Nội.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**

**(Đã ký)**

**Đinh Văn Toàn**

**Phụ lục I****KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI**

(Kèm theo Nghị quyết số: 49/NQ-HĐKĐCL ngày 18 tháng 5 năm 2023  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

<b>Lĩnh vực/Tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm trung bình</b>
<b><i>Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược</i></b>	<b>4,11</b>
Tiêu chuẩn 1	4,20
Tiêu chuẩn 2	4,00
Tiêu chuẩn 3	4,00
Tiêu chuẩn 4	4,00
Tiêu chuẩn 5	3,75
Tiêu chuẩn 6	4,00
Tiêu chuẩn 7	4,40
Tiêu chuẩn 8	4,50
<b><i>Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống</i></b>	<b>4,01</b>
Tiêu chuẩn 9	4,00
Tiêu chuẩn 10	4,50
Tiêu chuẩn 11	3,75
Tiêu chuẩn 12	3,80

<b>Lĩnh vực/Tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm trung bình</b>
<b><i>Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng</i></b>	<b>3,98</b>
Tiêu chuẩn 13	4,40
Tiêu chuẩn 14	4,00
Tiêu chuẩn 15	4,20
Tiêu chuẩn 16	3,75
Tiêu chuẩn 17	4,00
Tiêu chuẩn 18	3,75
Tiêu chuẩn 19	3,75
Tiêu chuẩn 20	4,00
Tiêu chuẩn 21	4,00
<b><i>Mục 4. Kết quả hoạt động</i></b>	<b>3,92</b>
Tiêu chuẩn 22	4,50
Tiêu chuẩn 23	3,67
Tiêu chuẩn 24	4,00
Tiêu chuẩn 25	3,50

**Phụ lục II**  
**CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**  
**ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 49/NQ-HĐKĐCL ngày 18 tháng 5 năm 2023  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Hà Nội giai đoạn 2018-2022 cho thấy Nhà trường có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng về chiến lược: Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị văn hóa phù hợp với từng giai đoạn phát triển, có tính ổn định cao, phản ánh được thế mạnh dựa vào ngoại ngữ và quyết tâm phát triển thành trường đại học đa ngành. Hệ thống quản trị và cơ cấu quản lý được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật và Luật Giáo dục đại học, theo định hướng tự chủ, đảm bảo tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự phát triển bền vững. Các chỉ tiêu chiến lược được xác lập có lộ trình ưu tiên, có chỉ số theo dõi các nội dung đột phá và hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch thực hiện. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng phù hợp với quy định, được cập nhật và triển khai khá hiệu quả. Đội ngũ cán bộ được quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng; đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn và năng lực nghiên cứu tốt. Nguồn tài chính được sử dụng đúng mục đích, rõ ràng minh bạch; thu chi được kiểm soát và có dự phòng. Cơ sở vật chất được đầu tư, cảnh quan môi trường có nhiều cải tiến. Mạng lưới phát triển các đối tác, quan hệ đối ngoại được thiết lập rộng rãi; hoạt động hợp tác phát triển mạnh.

2. Về Đảm bảo chất lượng về hệ thống: Hệ thống đảm bảo chất lượng được thiết lập khá hoàn thiện và vận hành khá hiệu quả. Đội ngũ cán bộ chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ. Hệ thống quản lý, lưu trữ và phổ biến các văn bản, chính sách, quy trình đảm bảo chất lượng được thực hiện. Các hoạt động đảm bảo chất lượng được triển khai đã hỗ trợ phục vụ cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động của Trường. Công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng được triển khai; kết quả đánh giá được phân tích và sử dụng để cải tiến chất lượng. Hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong bước đầu được xây dựng ở các lĩnh vực hoạt động chủ yếu và hỗ trợ cho các cấp ra quyết định phù hợp; công nghệ thông tin được ứng dụng trong thu thập và quản lý dữ liệu thông tin. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin đối sánh được thiết lập. Văn hóa chất lượng được triển khai xây dựng.

3. Về Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: Hình thức truyền thông tuyển sinh đa dạng, có sự trợ giúp tối đa của công nghệ thông tin; các tiêu chí và phương thức tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai; chất lượng tuyển sinh tốt, ổn định. Hệ thống xây dựng, phát triển chương trình đào tạo được thiết lập; cơ chế phản hồi các bên liên quan được sử dụng để cải tiến, cập nhật nội dung chương trình đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và tăng tính linh hoạt của chương trình đào tạo. Triết lý giáo dục được truyền thông rộng rãi và được chuyển tải vào trong các hoạt động dạy và học; việc phát triển các kỹ năng, năng lực tư duy và phẩm chất thiết yếu cho người học được quan tâm. Kế hoạch phát triển hợp tác, nghiên cứu khoa học và kết nối, phục vụ cộng đồng được thiết lập và có các chính sách phù hợp để thực hiện; các chỉ số thực hiện chính được xây dựng, rà soát, điều chỉnh và được sử dụng để đánh giá, cải tiến; hệ thống, quy trình tổ chức, quản lý kết quả nghiên cứu khoa học

của đội ngũ giảng viên, cán bộ và người học được thiết lập, được triển khai khá hiệu quả. Công tác kết nối, phục vụ cộng đồng được đầu tư.

4. Về Kết quả hoạt động: Hệ thống quản lý học tập được triển khai; các tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của các ngành đào tạo được theo dõi, giám sát và đánh giá. Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm cao, được các nhà sử dụng lao động đánh giá khá tốt về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc. Số lượng, loại hình nghiên cứu khoa học được xác định và có các chính sách khuyến khích, đầu tư. Các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng được tổ chức gắn với thể mạnh và có nhiều tác động xã hội tích cực, được ghi nhận và giúp cán bộ, giảng viên và người học nhận thức tích cực và gắn bó với Nhà trường. Kết quả và các chỉ số tài chính của các hoạt động được xác lập; kết quả tài chính có sự tăng trưởng. Vị trí của Nhà trường được khẳng định, được nhiều đơn vị, đối tác ghi nhận.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Điều chỉnh tuyên bố về sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi; bổ sung các nội hàm của cách mạng công nghiệp 4.0, đặc biệt là các nội dung về đổi mới sáng tạo cho phù hợp với động lực phát triển của đất nước. Xem xét đầy đủ mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc trong triển khai kế hoạch chiến lược và các lĩnh vực liên quan. Xây dựng các chỉ số, lượng hóa và đánh giá kết quả và hiệu quả tác động của các giá trị cốt lõi; kết hợp công bố tại các sự kiện của các bên liên quan để tiếp tục tăng tính thuyết phục và truyền cảm hứng.

2. Chủ động xác định, định vị lại quỹ đạo và quan điểm phát triển toàn diện Nhà trường theo các xu thế phát triển mới dựa trên các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc, thể hiện sự quyết tâm cao, đề ra nhiều quyết sách phát triển mạnh mẽ để truyền cảm hứng và thúc đẩy sự phát triển của Nhà trường.

3. Hoàn thiện hệ thống văn bản, quy chế phối hợp giữa Đảng ủy, Hội đồng trường và Ban Giám hiệu. Tăng cường sự phối hợp thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý sau giám sát giữa Đảng ủy, thanh tra, bộ phận giám sát của Hội đồng trường. Bổ sung quy định chức năng của các phòng/ban tham mưu cho Hội đồng trường; thành lập ban giám sát để cụ thể hoá chức năng giám sát của Hội đồng theo quy định. Xây dựng căn cứ khoa học chắc chắn và dựa trên cơ sở kết quả đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học khác để rà soát các chính sách có tính đột phá nhằm phát triển đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng.

4. Chú trọng sứ mạng “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao thành thạo ngoại ngữ, nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ theo xu hướng hội nhập” để “trở thành đại học đa ngành định hướng ứng dụng, nằm trong tốp đầu của Việt Nam, có danh tiếng ở khu vực Châu Á” trong kế hoạch chiến lược giai đoạn 2025-2030 và tầm nhìn 2045; bổ sung các chỉ tiêu về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và hoạt động đổi mới sáng tạo. Có các chương trình đào tạo nâng tầm chiến lược với sứ mạng chuyển tải các giá trị văn hoá toàn cầu với các giải pháp khả thi cao; đặt trọng tâm phát triển chương trình đào tạo liên ngành dựa trên kết quả nghiên cứu khoa học giáo dục về nguồn lực dự báo, về nhu cầu tư vấn chính sách từ Chính phủ, doanh nghiệp và cộng đồng trong bối cảnh mới của đất nước.

5. Xây dựng quy trình nghiên cứu phát triển chương trình đa ngành, trọng tâm nền kinh

tế số và tính chất nghiên cứu, đổi mới sáng tạo; nghiên cứu thành lập trung tâm nghiên cứu và phát triển chương trình đào tạo. Đề xuất giải pháp chiến lược nhằm cân bằng giữa nhu cầu của thị trường lao động, ở phân khúc việc làm thấp hiện nay, với vai trò dẫn dắt của Nhà trường về trách nhiệm đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng ở mức cao, giữ vững vị thế dẫn dắt trong nghiên cứu khoa học, tư vấn chính sách của trường đại học.

6. Xây dựng hệ thống chỉ số đánh giá năng lực để quản lý việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, giảng viên và nhân viên; bổ sung quy định và các chỉ tiêu cụ thể về nhiệm vụ kết nối, phục vụ cộng đồng để thực hiện quy hoạch đội ngũ. Có chính sách đồng bộ để thu hút, giữ chân đội ngũ cán bộ có năng lực, có trình độ chuyên môn cao. Có yêu cầu năng lực cụ thể cho từng vị trí việc làm phù hợp với yêu cầu mới của giáo dục đại học và xu hướng tự chủ, đa ngành. Có kế hoạch và biện pháp tăng cường công tác tuyển dụng và đào tạo nâng cao trình độ giảng viên; quy hoạch đội ngũ giảng viên đảm bảo cân đối, hài hòa, bền vững.

7. Nghiên cứu các giải pháp đa dạng hóa nguồn thu để giảm phụ thuộc vào nguồn thu học phí, đảm bảo sự phát triển bền vững. Tăng cường việc giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng trang thiết bị và nâng cao ý thức bảo quản, sử dụng tài sản công; sớm xây dựng và triển khai kế hoạch chuyển đổi số, xây dựng hệ thống dashboard cung cấp thông tin toàn diện các hoạt động trong Trường nhằm giúp lãnh đạo và cán bộ quản lý điều hành và ra quyết định. Thay thế, nâng cấp các trang thiết bị; đầu tư thêm cơ sở vật chất, đảm bảo an toàn và thuận tiện sử dụng cho người có nhu cầu đặc biệt.

8. Xây dựng kế hoạch phát triển đối tác theo xu thế hội nhập, thúc đẩy sự phát triển của xã hội và của đất nước. Có chiến lược và chính sách thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại hợp tác lâu dài phù hợp với mục tiêu, sứ mệnh và tầm nhìn; tiếp tục rà soát các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại; đánh giá kết quả thực hiện các chương trình đã ký kết đồng thời xây dựng quy chế phối hợp để truyền thông. Phân tích đánh giá việc cải thiện các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại theo lĩnh vực đào tạo; các đối tác theo quốc gia, khu vực; theo loại hình hợp tác... để đáp ứng tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược.

9. Hoàn thiện hệ thống văn bản về đảm bảo chất lượng bên trong: xây dựng và ban hành chính sách và sổ tay đảm bảo chất lượng. Xác định rõ mục tiêu chiến lược đảm bảo chất lượng và kế hoạch thực hiện đồng bộ các nội dung để hướng tới đạt được mục tiêu chiến lược đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục, xây dựng văn hóa chất lượng. Thực hiện rà soát, đánh giá tổng thể quy trình lập kế hoạch các hoạt động đảm bảo chất lượng, các chỉ số thực hiện KPIs và chỉ tiêu phấn đấu chính để tiếp tục cải tiến. Phân tích sâu sắc, đầy đủ các điểm mạnh, các thách thức, tồn tại của Nhà trường để làm cơ sở cho cải tiến, nâng cao chất lượng tổng thể các mặt hoạt động.

10. Tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ để nâng cao hiệu quả công tác tự đánh giá và chuẩn bị cho đánh giá ngoài; rà soát kết quả cải tiến chất lượng hậu kiểm định một cách có hệ thống; phân tích kết quả đánh giá ngoài, nghiên cứu kỹ lưỡng các khuyến nghị, đồng thời lấy ý kiến các bên liên quan để xác định rõ các giải pháp chủ yếu và kế hoạch cải tiến chất lượng. Lan toả thực hành tốt của các chương trình đào tạo được đánh giá và tăng cường đối sánh bên ngoài để liên tục cải tiến, xây dựng văn hóa chất lượng Nhà trường.

11. Xây dựng, ban hành văn bản phân công trách nhiệm đầu mối, bộ phận phối hợp, hỗ trợ để xây dựng hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong; xây dựng cơ sở dữ liệu tích

hợp các thông tin về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng toàn Trường, theo hướng thuận tiện cho việc khai thác, sử dụng và hỗ trợ kịp thời hiệu quả cho quản lý, điều hành đáp ứng yêu cầu và mục tiêu phát triển các lĩnh vực. Tăng cường thu thập đa dạng thông tin phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động, đặc biệt là phục vụ cộng đồng và tác động xã hội của các hoạt động; rà soát, đánh giá hiệu quả của các quy trình làm cơ sở điều chỉnh, cải tiến quản lý và khai thác hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong.

12. Có văn bản quy định, hướng dẫn về so chuẩn, đối sánh trong bảo đảm chất lượng giáo dục và tuyên bố chính sách chất lượng để cải tiến quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh một cách có hệ thống và toàn diện. Đa dạng các đối tác, bao quát nội dung và tiêu chí đối sánh về mọi lĩnh vực hoạt động quản lý, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; tham khảo thêm quy trình và các tiêu chí đối sánh của các cơ sở giáo dục tiên tiến trong nước, quốc tế để tiếp tục cải tiến.

13. Có các chính sách đột phá thu hút người học vào học các chương trình đào tạo sau đại học; cải tiến nội dung và phương thức truyền thông tuyển sinh giúp thí sinh hiểu rõ hơn về ngành đào tạo, đặc biệt là những ngành mới. Tham khảo các bên liên quan, phân tích nhu cầu của xã hội về các ngành đào tạo khi xây dựng đề án tuyển sinh; phân tích tương quan giữa kết quả tuyển sinh theo từng phương thức, tiêu chí tuyển sinh để điều chỉnh phù hợp, nâng cao hơn nữa hiệu quả tuyển sinh và chất lượng đầu vào cho các chương trình đào tạo.

14. Hoàn thiện văn bản tổng hợp quy định về thiết kế và phát triển chương trình đào tạo cập nhật các yêu cầu tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT; bổ sung quy trình thực hiện giám sát việc thực hiện cùng hệ thống biểu mẫu. Rà soát kỹ lưỡng các đề cương học phần, điều chỉnh chuẩn đầu ra, đảm bảo sự đóng góp tường minh của mỗi học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; thể hiện được sự tương thích rõ ràng giữa chuẩn đầu ra học phần với nội dung và các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá. Nghiên cứu bổ sung, cập nhật các học phần về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phục vụ cho việc phát triển các năng lực của người học đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

15. Xây dựng và ban hành quy định, hướng dẫn về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra. Rà soát tổng thể mức độ đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực cho từng ngành đào tạo; tăng cường kênh thông tin phản hồi, đánh giá chất lượng của các hoạt động dạy học; tăng cường đổi mới phương pháp dạy học, triển khai các phương pháp dạy học tích cực, kiến tạo. Rà soát, đánh giá tổng thể mức độ cải tiến về phương pháp dạy học của các chương trình đào tạo và hiệu quả của các cải tiến đó để có cơ sở cho các cải tiến tiếp theo nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

16. Ban hành văn bản hướng dẫn lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp; nâng cao năng lực cho giảng viên về phương thức đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của người học. Rà soát các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá bằng các phương pháp định lượng khoa học nhằm xác định độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp kiểm tra đánh giá để kịp thời cải tiến. Xây dựng và triển khai kế hoạch đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo yêu cầu của Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT.

17. Có kế hoạch tăng cường các hoạt động nghiên cứu khoa học, các dự án khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong sinh viên; xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động hợp tác với doanh nghiệp. Có các hoạt động chuyên sâu dành riêng hỗ trợ cho các học viên, nghiên cứu sinh. Thường xuyên lấy ý kiến của người học về các dịch vụ và hỗ trợ đối với cán bộ, giảng

viên và các bên liên quan trong và ngoài Trường; khảo sát ý kiến của đội ngũ giảng viên về môi trường, cơ chế thúc đẩy nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ sinh viên.

18. Rà soát, điều chỉnh các quy định về khoa học công nghệ; bổ sung và cập nhật các văn bản quản lý phù hợp với thực tiễn. Thường xuyên rà soát, đánh giá, phân tích đối sánh kết quả đạt được để điều chỉnh, hoàn thiện các chỉ tiêu, chỉ số thực hiện chính trong kế hoạch chiến lược và hằng năm phù hợp. Tăng cường huy động và đầu tư nguồn lực để nâng cao năng lực khoa học công nghệ; mở rộng quan hệ với các đối tác trong nước và quốc tế trong nghiên cứu khoa học để phát triển các hướng nghiên cứu mũi nhọn phù hợp với nội lực và định hướng chiến lược. Có các giải pháp đột phá để phát triển các nhóm nghiên cứu, chương trình nghiên cứu với các sản phẩm có giá trị thực tiễn, có khả năng chuyển giao và thương mại hóa, phù hợp với định hướng ứng dụng.

19. Sớm ban hành quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ; xây dựng kế hoạch, định kỳ tổng kết, rà soát, đánh giá chuyên sâu về công tác quản lý. Xây dựng các KPIs về tài sản trí tuệ kết nối chặt chẽ các chiến lược phát triển khoa học và công nghệ. Triển khai các biện pháp hữu hiệu để động viên, khuyến khích cán bộ, giảng viên tích cực đăng ký bảo hộ phát minh, sáng chế, đăng ký bản quyền tác giả; chú trọng phát triển các hoạt động nghiên cứu khoa học tạo ra sản phẩm có thể thương mại hoá; xây dựng chính sách hỗ trợ thương mại hoá các sản phẩm này. Quan tâm việc số hóa tài sản trí tuệ để tiện lợi cho công tác quản lý, tìm kiếm và tiếp cận thông tin.

20. Có định hướng và chính sách phát triển quan hệ hợp tác cả chiều rộng và chiều sâu, thu hút đội ngũ các chuyên gia có uy tín chuyên môn cao trong và ngoài nước. Rà soát, cập nhật các tiêu chí đánh giá mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu khoa học, trong đó nhấn mạnh trọng số về tính hiệu quả hợp tác và sự thúc đẩy nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học. Chú trọng thúc đẩy các hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo dục có thể mạnh trong các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu theo hướng phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh, có các sản phẩm nghiên cứu mũi nhọn.

21. Xây dựng các mục tiêu chủ yếu hằng năm cho từng nhóm loại hình hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng làm cơ sở cho đánh giá, tổng kết và cải tiến. Xây dựng kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng ở bốn mảng hoạt động để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của Trường.

22. Thực hiện đối sánh đầy đủ các tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học, có việc làm, thời gian tốt nghiệp trung bình, mức độ hài lòng với các trường đại học khác trong nước; phân tích sâu sắc các nguyên nhân và có các giải pháp cải thiện. Khảo sát cựu người học của các chương trình đào tạo sau đại học về việc làm, thay đổi vị trí việc làm, thăng tiến trong nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp; tăng cường tần suất khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học sau tốt nghiệp. Ban hành hướng dẫn cụ thể và cơ chế giám sát việc sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng sinh viên tốt nghiệp làm cơ sở cho các cải tiến, nâng cao chất lượng.

23. Lựa chọn các đối tác, tiêu chí đối sánh phù hợp; thường xuyên thực hiện đối sánh để xác lập mục tiêu, các chỉ số phân đầu phù hợp với chiến lược phát triển. Thực hiện đối sánh bên trong và bên ngoài về loại hình, khối lượng và chất lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học và có các giải pháp đột phá và quy định phù hợp để thúc đẩy đồng bộ hoạt động nghiên



cứu khoa học của giảng viên và sinh viên. Thúc đẩy các chương trình nghiên cứu tạo sản phẩm để có thể chuyển giao, thương mại hóa; tăng cường nguồn lực tài chính cho nghiên cứu khoa học. Tăng cường công tác sở hữu trí tuệ, chú trọng vào tạo lập và khai thác và có đơn vị chuyên trách về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

24. Xây dựng chiến lược thực thi và mục tiêu cụ thể cho từng nhóm việc và đối tượng tham gia, nguồn lực tương ứng, đơn vị phối hợp để thực hiện công tác kết nối và phục vụ cộng đồng. Nghiên cứu xác lập mức độ tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội thể hiện cụ thể trong các kế hoạch phát triển, kế hoạch nhiệm vụ năm học, có hướng dẫn và kế hoạch triển khai phù hợp. Thiết lập báo cáo đầy đủ về tác động đối với từng đối tượng để tiếp tục thực hiện việc giám sát, đối sánh và cải tiến; xác định mức độ tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên.

25. Lựa chọn các cơ sở giáo dục có uy tín trong và ngoài nước trong đối sánh hoạt động tài chính, hiệu quả thị trường để xác định quy mô thị trường, thị phần, xếp hạng cạnh tranh ở tầm quốc tế theo định hướng đã xác định trong sứ mạng, tầm nhìn. Hoàn thiện hệ cơ sở dữ liệu đầy đủ, trong đó tích hợp các dashboard phân tích, hỗ trợ ra quyết định cho lãnh đạo để có cơ sở lập kế hoạch cải tiến chất lượng, cải thiện hiệu quả và chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định.

-----